

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày 23 - 9 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tổng Duy Toán

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Hồng

2. Bà Dương Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Ngọc Long - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 31/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 08/9/2021 đối với bị cáo: Nùng Văn N, tên gọi khác Nùng Văn H, sinh ngày 08/4/1995 tại xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Bị cáo là đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 26-QĐ/UBKTHU ngày 20/7/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy M, tỉnh Lào Cai; con ông Nùng Chín D, năm sinh 1970 và bà Phu Thị L, năm sinh 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Chưa; tiền án: Chưa; Nhân thân: Tốt; ngày bị tạm giữ: 13/7/2021, ngày bị tạm giam: 22/7/2021; ngày được cho tại ngoại: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai - Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh số 1 huyện S thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai bào chữa cho bị cáo Nùng Văn N - Có mặt.

**- Người bị hại:**

1. Anh Lùng Lìn L, năm sinh 1987

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Chị Vàng Thị L, năm sinh 1990

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai

*Người đại diện theo uỷ quyền của người bị hại chị Vàng Thị L:* Anh Lùng Lìn L (chồng chị L), năm sinh 1987 (văn bản uỷ quyền ngày 20/8/2021)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:**

1. Anh Nguyễn Văn C, năm sinh 1976

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Bà Phu Thị L, năm sinh 1968

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lùng Văn C, sinh ngày 27/7/1988

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Anh Lùng Văn N, năm sinh 1996

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Chị Lù Thị N, năm sinh 1991

Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-SMC ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng hơn 10 giờ ngày 13/7/2021, Nùng Văn N đang ngồi ở lề đường cạnh quán bán đồ điện nước của anh Giàng A C ở ngã tư chợ S thì thấy anh Lùng Lìn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số đăng ký 24B1-329.87 đến dừng xe ở cạnh N khoảng một mét, rồi anh L vào quán của anh C uống nước, sau đó anh L đi bộ đi về hướng đường đi xã T và để lại chiếc xe mô tô biển số đăng ký 24B1-329.87 tại đó. Khoảng 10 phút sau, không thấy anh L quay lại, N quan sát thấy chìa khóa xe anh L vẫn cắm ở ổ khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. N tiến lại gần chiếc xe mô tô của anh L rồi ngồi lên xe, dùng chân đạp cho xe nổ máy rồi điều khiển xe đi theo hướng từ thôn M, xã Q, huyện S đến thị trấn S, huyện S, N đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn C với giá 1.000.000 đồng. Anh C đã lấy số điện thoại, chụp ảnh N rồi đưa cho N hai tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, N nhận tiền rồi đi bộ đến khu vực tổ dân phố P, thị trấn S ăn uống, tiêu xài cá nhân hết, sau đó N đi bộ về khu vực công Trung tâm y tế huyện S chờ xe khách về huyện M.

Đối với anh Lùng Lìn L, khi quay lại khu vực ngã tư chợ S không thấy chiếc xe mô tô của mình đâu nữa, nên đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh L cùng với anh Lùng Văn N và anh Lùng Văn K cùng nhau đi tìm. Khi đến khu vực tổ dân phố P, thị trấn S, anh L nhìn thấy chiếc mô tô của mình để trên vỉa hè, anh L hỏi và được biết anh C vừa mua chiếc xe với giá 1.000.000 đồng, anh C cho anh L số điện thoại và xem ảnh người đã bán xe cho anh C. Sau đó, anh L và anh N đi về, khi đến khu vực cây xăng ở tổ dân phố P, thị trấn S thì phát hiện một người giống như người trong ảnh mà anh C vừa cho xem, nên anh L bảo anh N quay lại đón anh C ra để xác nhận. Khi anh C đến và xác nhận đúng là người đã bán xe cho mình, nên anh L cùng mọi người đưa N đến Công an huyện Si Ma Cai để làm việc.

Tại bản Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận giá trị thực tế tài sản tại thời điểm ngày 16/7/2021 như sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ANPHA, biển số 24B1-329.87, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2012, xe cũ đã qua sử

dụng. Tổng giá trị theo Hội đồng định giá xác định là 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với bị cáo Nùng Văn N, tên gọi khác Nùng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai đã truy tố.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về trách nhiệm hình sự:

+ Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nùng Văn N từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

\* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Cho bị cáo Nùng Văn N được hưởng mức án 03 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 13/7/2021.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; về bồi thường thiệt hại thì gia đình bị cáo đã bồi thường xong, nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến của người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

+ Ý kiến của anh Nguyễn Văn C: Ngày 13/7/2021, anh C đã mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 24B1-329.87 của Nùng Văn N với giá là 1.000.000 đồng, anh C không biết chiếc xe mô tô này do N trộm cắp mà có. Đến 19 giờ 15 phút cùng ngày, anh C đã tự nguyện giao chiếc xe mô tô cho Công an huyện Si Ma Cai. Nay anh C không yêu cầu bị cáo N hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng.

+ Ý kiến của bà Phu Thị L: Bà L là mẹ đẻ của bị cáo N, khi bà L đến thăm bị cáo đang bị tạm giam, thì bị cáo đã tác động để bà L đứng ra thỏa thuận bồi thường thiệt hại, ngày 25/8/2021, bà L đã gặp anh L để thỏa thuận bồi thường, bà L đã bồi thường cho anh L số tiền 1.000.000 đồng. Do bị cáo ở cùng với bà L, nên bà L không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bồi thường trên cho bà L.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không yêu cầu Tòa án giải quyết lại về phần dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì người bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án và người làm chứng đều có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã ra Thông báo về việc giải quyết đề nghị trước khi mở phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và hình phạt chính: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của: Người bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản không trông giữ cẩn thận, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi lén lút và mong muốn chiếm đoạt được tài sản mà người quản lý tài sản không biết. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Lùng Lìn L và chị Vàng Thị L được xác định là 2.700.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai quyết định truy tố bị cáo Nùng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, sau khi bị bắt đã đưa bị cáo đi xét nghiệm Định tính Morphin, kết quả xét nghiệm Dương tính; tuy nhiên trước khi xét xử đã đưa bị cáo đi xét nghiệm lại Định tính Morphin (test nhanh) [niệu], kết quả xét nghiệm âm tính. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tài sản riêng, nên đã tích cực tác động, đề nghị mẹ đẻ bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại bằng một khoản tiền, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; tài sản bị cáo chiếm đoạt gây thiệt hại không lớn và đã thu hồi trả lại cho người bị hại; lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuổi đời còn trẻ, có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá 9/12 dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,h,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khoản 1,3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp tự do và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ hoàn trả tài sản: Nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm, bị cáo không yêu cầu giải quyết lại về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng, bà Phu Thị L không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho anh Lùng Lìn L, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ của anh Nguyễn Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 24B1-329.87 là tài sản của người bị hại. Xét thấy, vật chứng đó không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản đó cho người bị hại, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với anh Nguyễn Văn C là người đã mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 24B1-329.87 với giá là 1.000.000 đồng, anh C không biết chiếc xe mô tô này do bị cáo trộm cắp mà có, nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nùng Văn N, tên gọi khác Nùng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về mức hình phạt - Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nùng Văn N, tên gọi khác Nùng Văn H 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 13/7/2021.

3. Về án phí: Bị cáo Nùng Văn N, tên gọi khác Nùng Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của họ trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Đương sự (2);
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai;
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Tổng Duy Toán**